

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NƯỚC TA TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

THE VIETNAMESE COMMUNIST PARTY LEADED TO ATTRACT FOREIGN DIRECT INVESTMENT IN THE PERIOD OF INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION

PHẠM MẠNH THẮNG^(*)

TÓM TẮT: Phát triển kinh tế đối ngoại là một trong những chủ trương của Đảng trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương và chỉ đạo ban hành nhiều chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực quản lý để thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Bài viết khái quát một cách hệ thống chủ trương và quá trình tổ chức thực hiện thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Đảng Cộng sản Việt Nam và một số kinh nghiệm đúc rút trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ khóa: đầu tư trực tiếp nước ngoài; lãnh đạo; công nghiệp hóa; hiện đại hóa.

ABSTRACT: External economic development is one of the Party's policies in the period of renovation and international integration. During the leading process, Communist Party of Vietnam has proposed and directed to issue many policies in order to improve the investment environment and improve management capacity to effectively attract foreign direct investment (FDI). The article systematically summarizes the guidelines and process of organizing the implementation of foreign direct investment attraction of the Communist Party of Vietnam and some experiences gained in the period of accelerating industrialization, modernization.

Key words: foreign direct investment; leading; industrial; modernization.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam luôn đổi mới và ban hành các chính sách tiến bộ để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đặc biệt, kể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành vào tháng 12-1987 thì vốn FDI vào Việt Nam đạt những kết quả khả quan, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế. Việt Nam đã và đang tích cực cải thiện môi trường đầu tư để thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh hội nhập quốc tế và xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra. Nắm bắt được tầm quan trọng cũng như tính tất yếu phải thu hút FDI trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện

đại hóa Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra chủ trương, biện pháp tổ chức thực hiện nhằm thu hút vốn FDI vào phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh kết quả đạt được, thu hút vốn FDI vào Việt Nam cũng bộc lộ những hạn chế như dự án đầu tư thường có quy mô nhỏ, công nghệ trong giai đoạn lắp ghép, nhiều dự án bị rút giấy phép do triển khai chậm,... Việc tổng kết, đánh giá quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thu hút vốn FDI cung cấp những luận cứ khoa học góp phần hoạch định chủ trương về thu hút vốn FDI trong các giai đoạn tiếp theo thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều cần thiết.

^(*) TS. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, thangpm@hcmue.edu.vn, Mã số: TCKH24-22-2020

2. NỘI DUNG

2.1. Chủ trương thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế thì điều quan trọng nhất là phải thu hút được nguồn vốn trong nước cũng như của nước ngoài, trong đó nguồn vốn trong nước là quyết định nhưng vốn đầu tư nước ngoài có vai trò quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ. Nghị quyết Đại hội VIII (6-1996) xác định: *“Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài”* [2, tr.86]. Nghị quyết tuy không tách riêng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài thành một thành phần kinh tế song đã phần nào ghi nhận sự hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản nước ngoài và khẳng định vai trò của khu vực đầu tư nước ngoài *“có vai trò quan trọng trong việc động viên tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ, khả năng quản lý của các nhà tư bản vì lợi ích của bản thân họ, cũng như của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước”* [4, tr.347].

Sau 05 năm tiến hành đổi mới (1986-1991), Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục đề ra những chủ trương thu hút vốn FDI, trong đó khắc phục những bất cập, yếu kém trong công tác thu hút vốn FDI như: vốn FDI giảm mạnh, công tác quản lý còn nhiều yếu kém, cơ chế chính sách chưa nhất quán, thiếu sự thông suốt ở các cấp, các ngành,... Đại hội IX của Đảng (4-2001) xác định tạo điều kiện để thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được phát triển thuận lợi, nhấn mạnh: *“Cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài”* [3, tr.99]. Đây là thành phần kinh tế mới được bổ sung bởi thực tế trong 10 năm (1991-2001), kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh và chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế quốc dân do đó việc thừa nhận và khuyến khích thành phần kinh tế có vốn FDI là tất yếu. Một trong những điểm

nổi bật trong chủ trương của Đảng là xác định lĩnh vực ưu tiên tập trung thu hút vốn: Khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến, các ngành công nghệ cao, vật liệu mới, điện tử, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và các ngành mà Việt Nam có lợi thế, gắn với công nghiệp hiện đại và tạo việc làm. Tập trung thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Đặc biệt, Hội nghị lần thứ 9 khóa IX (2-2004) khẳng định cần phải tạo chuyển biến cơ bản trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài, thực sự coi kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận hữu cơ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và cần thu hút mạnh hơn nữa đầu tư trực tiếp nước ngoài...

Từ thực tiễn của 5 năm (2001-2005), báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX của Đảng còn chỉ ra bài học kinh nghiệm trong quá trình thu hút vốn FDI *“phải chủ động mở cửa thị trường trong nước, kể cả thị trường dịch vụ, để thu hút mạnh vốn đầu tư, công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”* [5, tr.685]. Từ đó, Nghị quyết Đại hội X (4-2006) của Đảng đã đề ra những định hướng thu hút vốn FDI trong phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm (2006-2010) là: tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng lĩnh vực, địa bàn và hình thức thu hút FDI, cần tập trung hướng vào những thị trường giàu tiềm năng và các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, hiệu quả nguồn FDI. Để thực hiện được định hướng đó, Nghị quyết Đại hội X (4-2006) của Đảng Cộng sản Việt Nam vạch ra các chính sách và giải pháp như sau: Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài và xem doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế; đa dạng hóa hình thức và cơ chế đầu tư để thu hút mạnh nguồn lực của các nhà

đầu tư vào các ngành, các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, nhất là lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ nguồn, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đơn giản hóa thủ tục cấp phép đầu tư đối với đầu tư nước ngoài.

Trước những cơ hội lớn mở ra và thách thức phải đối diện, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (1-2011) đưa ra định hướng: *“Thu hút đầu tư nước ngoài với công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và tăng cường sự liên kết với các doanh nghiệp trong nước”* [5, tr.758] và đề cập đến một trong những vấn đề nổi bật là hướng đến thu hút vốn FDI với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Đây là điều mà mỗi quốc gia khi tiến hành thu hút vốn FDI đều lo ngại về vấn đề các dự án đầu tư nước ngoài chưa quan tâm đến môi trường đúng mức khiến ở nhiều nơi đang bị ô nhiễm nặng, ảnh hưởng đến sinh thái và cuộc sống của người dân. Đặc biệt, cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh: *“kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển”* [5, tr.737]. Đây là nhận thức mới của Đảng về thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Đó là sự khẳng định vị trí không thể thiếu của thành phần kinh tế này trong nền kinh tế quốc dân. Theo đó, chính sách thu hút FDI trong những năm tới tập trung vào nâng cao chất lượng của dòng vốn thông qua việc thu hút các nhà đầu tư lớn, các tập đoàn xuyên quốc gia vào các ngành, lĩnh vực quan trọng như công nghệ cao, công nghệ nguồn, thân thiện với môi trường.

Như vậy, Đảng và Nhà nước đánh giá đúng tầm quan trọng của nguồn vốn FDI và không ngừng đưa ra những quan điểm định hướng cho công tác thu hút vốn FDI vào Việt Nam. Với đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đẩy mạnh, khuyến khích thu hút vốn FDI vào những ngành công nghiệp mũi nhọn:

công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghệ cao và những ngành mà Việt Nam đang có lợi nhằm đẩy mạnh thu hút vốn FDI tạo điều kiện kích thích cho thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển, đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế thế giới trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2. Quá trình tổ chức thực hiện thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đảng Cộng sản Việt Nam cũng tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải cách hành chính, tư pháp, cải thiện môi trường đầu tư, tập trung vào khắc phục những bất cập trong cơ sở hạ tầng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Định hướng thu hút vốn đầu tư được tập trung vào các khía cạnh sau: 1) Ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, năng lượng sạch, đặc biệt là các ngành nghề mới trên nền tảng công nghiệp 4.0,...; 2) Tăng cường thu hút nhà đầu tư, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia liên kết với doanh nghiệp trong nước hình thành và phát triển cụm liên kết ngành theo từng chuỗi giá trị; 3) Đa phương hóa, đa dạng hóa thu hút đầu tư từ các thị trường và đối tác tiềm năng; ...

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành nhiều văn bản với nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư để tiếp tục thu hút vốn FDI. Trường hợp được xem là điểm nhấn trong việc thay đổi chính sách về thu hút vốn FDI là Luật Đầu tư nước ngoài được sửa đổi năm 2000 trong kỳ họp thứ 7, khóa X của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (6-2000). Luật Đầu tư nước ngoài sửa đổi xác định danh mục doanh nghiệp có vốn FDI được kinh doanh không cần giấy phép, danh mục kêu gọi đầu tư theo giai đoạn và mở rộng lĩnh vực đầu tư. Luật Đầu tư nước ngoài sửa đổi những chính sách về thuế, đất đai như

được quyền cho thuê lại đất tại các khu công nghiệp, khu chế xuất miễn thuế nhập khẩu với những lĩnh vực ưu tiên, được cân đối ngoại tệ và được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất, được mở tài khoản ở nước ngoài. Đây là sự sửa đổi quan trọng nhằm tạo sức bật thúc đẩy thu hút vốn FDI vào Việt Nam.

Ngoài ra, Chính phủ ban hành các văn bản đưa ra các biện pháp khuyến khích nhà đầu tư FDI như Nghị định số 10/1998/NĐ-CP về một số biện pháp khuyến khích và đảm bảo hoạt động FDI tại Việt Nam, Chỉ thị số 11/1998/CT-TTg về việc thực hiện Nghị định 10/1998/NĐ-CP của Chính phủ về cải tiến các thủ tục đầu tư trực tiếp của nước ngoài, Quyết định số 53/2000/QĐ-TTg về một số biện pháp khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài,... tháo gỡ những khó khăn, loại bỏ những cản trở ách tắc với việc thu hút vốn đầu tư và triển khai các dự án đầu tư nước ngoài.

Năm 2005, Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư 2005 thay thế Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Chính phủ đã ban hành Nghị định 108/2006/NĐ của Chính phủ quy định chi một số điều của Luật Đầu tư như ban hành các ưu đãi: ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, thuế sử dụng đất, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và tiền thuê mặt nước để khuyến khích các nhà đầu tư vào đầu tư tại nước ta; Nghị định số 101/2006/NĐ của Chính phủ về quy định việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư; Nghị định số 78/2007/NĐ của Chính phủ về đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT; Nghị định số 29/2009/NĐ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 133/2009/NĐ của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư; Chỉ thị số 15/2007/CT-TTg về một số giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và Nghị quyết số 13/NQ của Chính phủ về định

hướng, giải pháp thu hút và quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm khắc phục những hạn chế trong thu hút vốn FDI và đẩy mạnh hơn nữa công tác thu hút vốn FDI theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng.

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 103/NQ của Chính phủ về định hướng nâng cao hiệu quả thu hút, sử dụng và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới và Nghị quyết số 19/NQ của Chính phủ về những nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đưa ra những giải pháp cho các Bộ, cơ quan, địa phương rà soát, công khai thủ tục hành chính trên Internet, đơn giản hóa thủ tục và hoàn thiện các quy định pháp luật để cải thiện môi trường kinh doanh, hoàn thiện những chính sách khuyến khích thu hút các dự án công nghệ cao, tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển giao công nghệ,...

Từ chủ trương của Đảng, Chính phủ và các Bộ, ngành đã thể chế hóa bằng những chính sách, biện pháp cụ thể tập trung vào nâng cao chất lượng vốn FDI qua việc thu hút mạnh các tập đoàn xuyên quốc gia đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng như công nghệ cao, công nghệ nguồn và những lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh.

2.3. Một số nhận xét và kinh nghiệm

Năm bắt được tính tất yếu khách quan và vai trò của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra những quan điểm, định hướng thu hút phù hợp với từng giai đoạn phát triển và mạnh dạn tìm tòi những giải pháp mang tính đột phá trong thu hút đầu tư. Do đó, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng đều theo các năm, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển đất nước, tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế... góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xét về số vốn và dự án, từ năm 1989 đến năm 2017, có tổng 331 tỷ USD vốn FDI vào Việt Nam. Tính đến năm 2017, Việt Nam đã có

25.000 dự án đầu tư trực tiếp với tổng mức đăng ký hơn 333 tỷ USD [1, tr.25]. Lũy kế tính đến ngày 20-9-2018, cả nước có 26.646 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 334 tỷ USD và tổng vốn thực hiện khoảng 185,62 tỷ USD, bằng 55,5% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực. Tổng vốn đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,02 tỷ USD. Tính lũy kế đến ngày 20-02-2020, cả nước có 31.345 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 369,4 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 214,23 tỷ USD, bằng 58% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

Xét về lĩnh vực đầu tư, trong năm 2019 các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19 ngành lĩnh vực, trong đó đầu tư tập trung nhiều nhất vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với tổng số vốn đạt 24,56 tỷ USD, chiếm 64,6% tổng vốn đầu tư đăng ký. Đây cũng là lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn trong vốn đăng ký cả về đăng ký vào các dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng và góp vốn, mua cổ phần. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 3,88 tỷ USD, chiếm 10,2% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo là các lĩnh vực buôn bán lẻ, hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ,... Trong 2 tháng đầu năm 2020, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành lĩnh vực, trong đó lĩnh vực sản xuất phân phối điện dẫn đầu với tổng số vốn đạt 3,89 tỷ USD, chiếm 60,2% tổng vốn đầu tư đăng ký. Lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư 1,76 tỷ USD, chiếm 27,3% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Xét về đối tác đầu tư, các nhà đầu tư Châu Á chiếm tỷ lệ lớn như Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc,... Trong năm 2019, đã có 125 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Hàn Quốc dẫn đầu với tổng vốn đầu tư 7,92 tỷ USD, chiếm 20,8% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Hồng Kông đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 7,87 tỷ USD (*trong đó, có 3,85 tỷ USD*

mua cổ phần vào công ty TNHH Vietnam Beverage tại Hà Nội, chiếm 48,9% tổng vốn đầu tư của Hồng Kông); Singapore đứng vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký là 4,5 tỷ USD, chiếm 11,8% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là Nhật Bản, Trung Quốc,... Trong 02 tháng đầu năm 2020, đã có 73 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư 4,12 tỷ USD, chiếm 63,7% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Trung Quốc đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 720,4 triệu USD, chiếm 11,1% tổng vốn đầu tư. Hàn Quốc đứng vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 425,4 triệu USD, chiếm 6,6% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản,...

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn tồn tại những hạn chế như: Công nghệ chuyển giao vào Việt Nam phần lớn có trình độ đạt mức trung bình hoặc trung bình tiên tiến so với các nước trong khu vực nên việc chuyển giao công nghệ chưa nhiều và chưa tạo ra sự lan tỏa công nghệ từ doanh nghiệp có vốn FDI tới doanh nghiệp trong nước; một bộ phận doanh nghiệp vi phạm luật lao động, chưa thực sự quan tâm đến quyền lợi chính đáng của người lao động; năng lực phòng ngừa, kiểm soát, bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp FDI còn bất cập và trình độ quản lý của cơ quan quản lý còn hạn chế. Thực tiễn quá trình lãnh đạo thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế có thể đúc rút một số kinh nghiệm như sau: nhận thức đúng tầm quan trọng của đầu tư trực tiếp nước ngoài; xác định đúng lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với từng giai đoạn; chủ động cải thiện môi trường đầu tư; chú trọng nâng cao hiệu quả phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

3. KẾT LUẬN

Nhận thức được tính tất yếu khách quan thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra chủ trương và xác định đúng lĩnh vực ưu tiên thu hút vốn ở mỗi giai đoạn cụ thể, tập trung chỉ đạo quyết liệt cải

thiện môi trường đầu tư nhằm tạo lợi thế so sánh tốt nhất thu hút các nhà đầu tư. Những thành tựu ở trên khẳng định tính đúng đắn trong chủ trương và sự quyết liệt trong quá trình tổ chức thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặc dù còn tồn tại những hạn chế đòi

hỏi Đảng tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn. Có thể thấy, hơn 30 năm qua, kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tạo một cú hích để khai thác, tận dụng lợi thế trong nước và đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018), *30 năm thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: Tầm nhìn và cơ hội mới trong kỷ nguyên mới*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng thời kỳ Đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Đảng thời kỳ Đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 07-3-2020. Ngày biên tập xong: 22-10-2020. Duyệt đăng: 27-11-2020